

**Phụ lục**  
**DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG MIỄN, TẠM HOÃN ĐÓNG GÓP QUỸ PHÒNG, CHỐNG THIÊN TAI NĂM 2024**

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng 10 năm 2024 của Chủ tịch UBND tỉnh Gia Lai)

STT	Tên đơn vị, địa phương	Tổng cộng (Người / Đơn vị)	Đối tượng miễn, giảm, tạm hoãn theo quy định tại Điều 13 Nghị định 78/2021/NĐ-CP									Ghi chú
			Được hưởng chế độ ưu đãi người có công với cách mạng (thương binh, bệnh binh, thân nhân người có công với cách mạng)	Hạ sĩ quan, chiến sĩ phục vụ có thời hạn đang hưởng phụ cấp sinh hoạt phí	Học sinh, sinh viên đang học tập trung, dài hạn	Người khuyết tật hoặc bị suy giảm khả năng LĐ, mắc bệnh hiểm nghèo	Người thất nghiệp hoặc không có việc làm từ 6 tháng trong 1 năm trở lên	Phụ nữ nuôi con nhỏ dưới 12 tháng tuổi	Thành viên hộ gia đình thuộc diện nghèo, cận nghèo, hộ gđ vùng sâu, vùng xa	Tổ chức kinh tế trong nước và nước ngoài bị thiệt hại do thiên tai...	Đối tượng khác	
A	B	1 = 2+3+4+5+6+7+8+9+10	2	3	4	5	6	7	8	9	10	
I	Các Sở, ban, ngành, đoàn thể	795										
1	Văn phòng Tỉnh ủy	1							1			
2	Cảng hàng không Pleiku	2							2			
3	Văn phòng UBND tỉnh	1							1			
4	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	4							4			
5	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	4	3						1			
6	Trường Chính trị	1	1									
7	Quỹ phát triển đất tỉnh	1							1			
8	Sở Khoa học và Công nghệ	3				1			2			
9	Cục Hải quan Gia Lai - Kon Tum	3	2						1			
10	Sở Tài chính	3							3			

STT	Tên đơn vị, địa phương	Tổng cộng (Người / Đơn vị)	Đối tượng miễn, giảm, tạm hoãn theo quy định tại Điều 13 Nghị định 78/2021/NĐ-CP									Ghi chú
			Được hưởng chế độ ưu đãi người có công với cách mạng (thương binh, bệnh binh, thân nhân người có công với cách mạng)	Hạ sĩ quan, chiến sĩ phục vụ có thời hạn đang hưởng phụ cấp sinh hoạt phí	Học sinh, sinh viên đang học tập trung, dài hạn	Người khuyết tật hoặc bị suy giảm khả năng LĐ, mắc bệnh hiểm nghèo	Người thất nghiệp hoặc không có việc làm từ 6 tháng trong 1 năm trở lên	Phụ nữ nuôi con nhỏ dưới 12 tháng tuổi	Thành viên hộ gia đình thuộc diện nghèo, cận nghèo, hộ gđ vùng sâu, vùng xa	Tổ chức kinh tế trong nước và nước ngoài bị thiệt hại do thiên tai...	Đối tượng khác	
A	B	1 = 2+3+4+5+6+ 7+8+9+10	2	3	4	5	6	7	8	9	10	
11	Lữ đoàn Công binh 280	118		118								
12	Công an tỉnh	641	10	620				11				
13	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	2						2				
14	Hội Nạn nhân dioxin tỉnh	3	3									
15	Sở Tài nguyên và Môi trường	5						5				
16	Hội người mù tỉnh	3	1			2						
<b>II</b>	<b>Các huyện, thị xã, thành phố</b>	<b>95.828</b>										
1	Thành phố Pleiku	-										Không có số liệu
2	Thị xã An Khê	19.571	657	317	10.240	1.043	6.198		1.066		50	
3	Thị xã Ayun Pa	6.592	99	241	2.209	691	1.141	669	1.518		24	
4	Huyện Đak Pơ	13.108	384	336	2.538	709	520	476	8.145			
5	Huyện Đak Đoa	56.557	1.727	458	9.072	2.324	9.468	33.495			13	
6	Huyện Ia Grai	53.181	1.400	1.567	8.631	2.658	18.437	2.796	17.692			
7	Huyện Kông Chro	44.561	466	46	5.064	284	2.733	295	35.670		3	
8	Huyện Phú Thiện	-										Không có số liệu
9	Huyện Krông Pa	49.668	404	237	1.111	668	1.013	1.016	43.803	-	1.416	

STT	Tên đơn vị, địa phương	Tổng cộng (Người / Đơn vị)	Đối tượng miễn, giảm, tạm hoãn theo quy định tại Điều 13 Nghị định 78/2021/NĐ-CP									Ghi chú
			Được hưởng chế độ ưu đãi người có công với cách mạng (thương binh, bệnh binh, thân nhân người có công với cách mạng)	Hạ sĩ quan, chiến sĩ phục vụ có thời hạn đang hưởng phụ cấp sinh hoạt phí	Học sinh, sinh viên đang học tập trung, dài hạn	Người khuyết tật hoặc bị suy giảm khả năng LĐ, mắc bệnh hiểm nghèo	Người thất nghiệp hoặc không có việc làm từ 6 tháng trong 1 năm trở lên	Phụ nữ nuôi con nhỏ dưới 12 tháng tuổi	Thành viên hộ gia đình thuộc diện nghèo, cận nghèo, hộ gđ vùng sâu, vùng xa	Tổ chức kinh tế trong nước và nước ngoài bị thiệt hại do thiên tai...	Đối tượng khác	
A	B	1 = 2+3+4+5+6+ 7+8+9+10	2	3	4	5	6	7	8	9	10	
10	Huyện Chư Prông	45.683	959	1.450	3.970	1.464	3.792	4.938	29.107		3	
11	Huyện Mang Yang	33.522	421	183	1.777	575	3.052	1.727	25.787	-	-	
12	Huyện Chư Păh	19.105	840	267	6.749	1.024	740		9.485			
13	Huyện Ia Pa	35.785	144	4.265	-	643	6.152	-	24.581	-	-	
14	Huyện Chư Sê	55.224	928	2.240	11.310	1.618	3.631	6.753	17.376	11.367	1	
15	Huyện Kbang	18.958	73	222	1.394	331	1.074	173	15.639	52		
16	Huyện Đức Cơ	30.225	517		3.824	1.090	6.263		15.426		3.105	
17	Huyện Chư Puh	22.156	209	284	1.906	1.089	2.406	1.085	11.995	3.182	-	
<b>III</b>	<b>Các tổ chức kinh tế</b>	<b>10</b>										
1	Công ty CP Thủy điện Hoàng Anh Tô Na	1										Quy định tại khoản 2, Điều 13, Nghị định 78/2021/NĐ-CP
2	Công ty TNHH MTV ĐT Xây dựng Điện Phan Vũ	1										Quy định tại khoản 2, Điều 13, Nghị định 78/2021/NĐ-CP
3	Công ty CP Năng lượng Gia Minh	1										Quy định tại khoản 2, Điều 13, Nghị định 78/2021/NĐ-CP
4	Công ty TNHH MTV Solar Tân Bảo Long	1										Quy định tại khoản 2, Điều 13, Nghị định 78/2021/NĐ-CP

STT	Tên đơn vị, địa phương	Tổng cộng (Người / Đơn vị)	Đối tượng miễn, giảm, tạm hoãn theo quy định tại Điều 13 Nghị định 78/2021/NĐ-CP									Ghi chú
			Được hưởng chế độ ưu đãi người có công với cách mạng (thương binh, bệnh binh, thân nhân người có công với cách mạng)	Hạ sĩ quan, chiến sĩ phục vụ có thời hạn đang hưởng phụ cấp sinh hoạt phí	Học sinh, sinh viên đang học tập trung, dài hạn	Người khuyết tật hoặc bị suy giảm khả năng LĐ, mắc bệnh hiểm nghèo	Người thất nghiệp hoặc không có việc làm từ 6 tháng trong 1 năm trở lên	Phụ nữ nuôi con nhỏ dưới 12 tháng tuổi	Thành viên hộ gia đình thuộc diện nghèo, cận nghèo, hộ gđ vùng sâu, vùng xa	Tổ chức kinh tế trong nước và nước ngoài bị thiệt hại do thiên tai...	Đối tượng khác	
A	B	1 = 2+3+4+5+6+ 7+8+9+10	2	3	4	5	6	7	8	9	10	
5	Công ty CP Điện Gia Lai	4						4				
6	Công ty CP Đầu tư và Phát triển điện năng Đức Long Gia Lai	1										Quy định tại khoản 2, Điều 13, Nghị định 78/2021/NĐ-CP
7	Công ty CP Chăn nuôi Bò thịt - Bò sữa Cao Nguyên	1										Quy định tại khoản 2, Điều 13, Nghị định 78/2021/NĐ-CP